

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Viết Tuấn

Ông Trần Bình Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1979

2. Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Ấp Gai, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V1: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1979 (theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2022).

- Bị đơn:

1. Bà Ngô Thị Đ1, sinh năm 1978;

2. Ông Nguyễn Hiếu H1, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp Gai, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

(Bà Th có mặt, ông H1, bà Đ1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu và lời trình bày của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2022 và lời trình bày của ông V1, bà Th tại bản tự khai và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện như sau: Buộc bà Đ1 và chồng là ông H1 phải liên đới trả cho ông bà số tiền hội đã đến hạn mà ông bà đã đóng thay 03 lần là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Lý do yêu cầu: Vợ chồng bà Đ1 có tham gia chơi hội do ông V1 bà Th làm chủ thảo hội, cụ thể như sau: Dây hội vụ 10.000.000 đồng, một năm mở hội 03 lần (vụ đông xuân khoảng tháng giêng, tháng 02 âm lịch (sau đây viết tắt là AL), vụ hè thu khoảng tháng 6 AL và một lần vào tháng 10 AL), dây hội có tổng cộng 15 phần, vợ chồng bà Đ1 tham gia một phần, tên trong danh sách hội là vợ chồng H1 Đ1 (Mía). Dây hội mở lần đầu vào vụ lúa đông xuân năm 2019 (AL) và kết thúc tháng 10 năm 2023 AL. Bà Đ1 trực tiếp lãnh hội ở lần mở hội thứ 4 vào đông xuân năm 2020 (AL), số tiền hót được là 88.800.000 đồng, bà Đ1 có ký tên nhận tiền trong sổ hội. Các lần mở hội tiếp theo thì bà Đ1, ông H1 không góp hội cho bà nên bà phải góp hội thay và bà đã khởi kiện đến Tòa án, quá trình giải quyết tại Tòa án bà Đ1 thừa nhận việc chơi hội và các lần góp hội phải góp đến khi kết thúc dây hội. Tổng số tiền 03 lần Tòa án đã giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật là 30.000.000 đồng (gồm các lần mở hội: hè thu 2020, tháng 10/2020 AL và đông xuân năm 2021). Các lần mở hội tiếp theo gồm hè thu năm 2021, tháng 10/2021 AL và đông xuân năm 2022 bà Đ1 ông H1 cũng không góp hội cho bà, bà đã góp hội thay để giao hội cho các hội viên khác, dây hội này bà vẫn mở hội đúng hạn.

Lý do bà Th, ông V1 yêu cầu ông Nguyễn Hiếu H1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đ1 trả nợ hội nêu trên vì bà Đ1 và ông H1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kh. Bà Đ1 tham gia dây hội và hót hội để có tiền phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đ1 trả số tiền hội cho bà Th, ông V1.

- Về ý kiến và lời trình bày của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định cho ông H1, bà Đ1 nhưng các ông bà đều vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án nên không ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Các nguyên đơn cho rằng bị đơn có tham gia chơi hội do các nguyên đơn làm chủ thảo nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp hội khi đến hạn nên nguyên đơn khởi kiện; Bị đơn có nơi cư trú tại ấp G, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An và hợp đồng cũng được thực hiện tại địa chỉ nêu trên nên Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp hội và căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về tố tụng:

[2] Ông H1, bà Đ1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt đến lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án mở phiên xét xử vắng mặt ông H1, bà Đ1.

- Xét yêu cầu của bà Th, ông V1 về việc buộc bà Đ1 và ông H1 cùng liên đới trả 30.000.000 đồng:

[3] Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo, Quyết định cho bà Đ1, ông H1 nhưng các ông bà không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình và cũng không có ý kiến hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Th, ông V1 nên Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Th, ông V1 cung cấp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã thể hiện: Bà Đ1 thừa nhận có tham gia đây hội mở lần đầu vào vụ đông xuân 2019 (AL), tổng cộng 15 lần mở hội, bà Đ1, ông H1 lãnh hội lần thứ 4 là vụ đông xuân năm 2020 như bà Th trình bày, xác định sau khi lãnh hội thì không góp hội cho bà Th, ông V1, tổng số lần hội phải góp là 11 lần x 10.000.000 đồng/01 lần, đồng thời tuyên buộc bà Đ1, ông H1 cùng liên đới trả tiền nợ hội 10.000.000 đồng (kỳ mở hội hè thu 2020). Tiếp theo đó, tại các Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã tuyên buộc bà Đ1 ông H1 cùng liên đới trả tiền nợ hội như sau: Bản án số 18/2021/DS-ST ngày 18/6/2021, buộc trả 10.000.000 đồng (kỳ mở hội tháng 10/2020 AL), Bản án số 28/2021/DS-ST ngày 02/12/2021, buộc trả 10.000.000 đồng (kỳ mở hội đông xuân 2021). Nay bà Th, ông V1 vẫn mở hội theo thời gian thỏa thuận và đã góp hội thay cho bà Đ1, ông H1 (có cung cấp bảng kê giao hội có chữ ký của các hội viên) nên bà Th, ông V1 yêu cầu bà Đ1, ông H1 tiếp tục trả tiền hội đã góp thay là 03 kỳ mở hội: hè thu 2021, tháng 10/2021 AL và đông xuân 2022 với số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Các bản án nêu trên cũng đã nhận định bà Đ1 và ông H1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng vẫn sống chung, cùng làm kinh tế gia đình cho đến khi bị khởi kiện và có 01 con chung sinh năm 1995 nên tuyên ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Đ1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ hội.

Vì vậy, việc bà Th, ông V1 yêu cầu ông H1 và bà Đ1 cùng liên đới trả số tiền nợ hội 30.000.000 đồng đã góp hội thay cho ông H1, bà Đ1 là phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về hội họ, biểu, phường nên Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th, ông V1.

[6] Về tiền nợ lãi: Bà Th, ông V1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí:

[7] Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí được tính như sau: Ông H1 và bà Đ1 phải cùng liên đới chịu án phí có giá ngạch 5% đối với yêu cầu của bà Th, ông V1 được chấp nhận là: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th, ông Nguyễn Văn V1.

Buộc ông Nguyễn Hiếu H1 và bà Ngô Thị Đ1 phải liên đới trả cho bà Trần Thị Th, ông Nguyễn Văn V1 số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Hiếu H1 và bà Ngô Thị Đ1 phải liên đới chịu 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho bà Trần Thị Th, ông Nguyễn Văn V1 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 04/7/2022 theo biên lai thu tiền số 0003720.

Báo cho bà Trần Thị Th, ông Nguyễn Văn V1 biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Hiếu H1 và bà Ngô Thị Đ1 biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu